

## Định Nghĩa Các Trình Độ Của Học Sinh ELL Trong Kỳ Thi Alternate- ACCESS - Tiếp Nhận

Ở mỗi cấp lớp, với việc kết thúc một trình độ thành thạo về Anh Ngữ, và với sự hỗ trợ giảng dạy, những Học Viên Anh Ngữ bị khuyết tật đáng kể về nhận thức sẽ xử lý ----- trong các bối cảnh văn hóa xã hội đối với việc sử dụng ngôn ngữ....

| Trình Độ Thành Thạo Alternate  | Tính Phức Tạp Về Ngôn Ngữ Học   | Hình Thức Và Quy Ước Ngôn Ngữ   | Sử Dụng Từ Vựng   |
|--------------------------------|---|---|---|
| <b>Trình Độ P3- Phát Triển</b> | <b>Xin lưu ý:</b> Học sinh có thể đạt đến trình độ thành thạo P3 trong lĩnh vực Viết. Các lĩnh vực Nghe, Nói và Đọc ở trình độ P3 trở lên không được đưa vào bài kiểm tra đánh giá; do đó, học sinh làm bài thi này không thể chứng minh được trình độ Anh Ngữ P3 và cao hơn ở các lĩnh vực đó.                                 |   |   |
| <b>Trình Độ P2- Xuất Hiện</b>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhiều câu đơn giản có liên quan với nhau</li> <li>• Một ý tưởng với các chi tiết</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cấu trúc văn phạm phức tạp</li> <li>• Lặp lại mẫu các cụm từ hoặc câu trong suốt nội dung</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các từ thông thường của môn học và thành ngữ, bao gồm các từ cùng nguồn gốc</li> <li>• Từ vựng và thành ngữ xã hội và học tập trong môn học</li> </ul> |
| <b>Trình Độ P1- Bắt Đầu</b>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Câu phát biểu hoặc câu hỏi đơn giản</li> <li>• Một ý tưởng trong các từ, cụm từ</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cấu trúc văn phạm đơn giản</li> <li>• Hình thức và khuôn mẫu xã hội và giảng dạy phổ biến</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các từ phổ biến liên quan đến nội dung môn học</li> <li>• Các từ và thành ngữ xã hội và giảng dạy</li> </ul>   |
| <b>Trình Độ A3- Tham Gia</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Lời phát biểu và câu hỏi quen thuộc liên quan đến thói quen hàng ngày</li> <li>• Ý tưởng trong trình bày trực quan hoặc ngôn ngữ quen thuộc</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thường xuyên thực hành các hình thức và khuôn mẫu xã hội và giảng dạy</li> </ul>                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ký hiệu, chữ cái, và / hoặc số</li> <li>• Những từ ngữ trong lời nói về xã hội và giảng dạy và những thành ngữ quen thuộc</li> </ul>                   |
| <b>Trình Độ A2- Khám Phá</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thường xuyên thực hành nói</li> <li>• Biểu hiện trực quan quen thuộc liên quan đến các thói quen hàng ngày</li> <li>• Ký hiệu và hình dạng môi trường xung quanh</li> <li>• Những từ nói được liên kết với những người quen thuộc, thói quen hàng ngày và / hoặc môi trường</li> </ul> |   |   |
| <b>Trình Độ A1- Vỡ Lòng</b>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giọng nói quen thuộc và âm thanh giao tiếp</li> <li>• Thay đổi biểu hiện (ví dụ: mặt, cơ thể, giọng nói)</li> </ul>  |   |   |

© October 2012, Board of Regents of the University of Wisconsin System on behalf of the WIDA Consortium

### Định Nghĩa Các Trình Độ Của Học Sinh ELL Trong Kỳ Thi Alternate- Hiệu Suất

Ở mỗi cấp lớp, với việc kết thúc một trình độ thành thạo về Anh Ngữ, và với sự hỗ trợ giảng dạy, những Học Viên Anh Ngữ bị khuyết tật đáng kể về nhận thức sẽ xử lý ----- trong các bối cảnh văn hóa xã hội đối với việc sử dụng ngôn ngữ....

| Trình Độ Thành Thạo Alternate                            | Tính Phức Tạp Về Ngôn Ngữ Học  | Hình Thức Và Quy Ước Ngôn Ngữ  | Sử Dụng Từ Vựng   |
|--|--|--|---|
| <b>Trình Độ P3- Phát Triển (Chỉ trong lĩnh vực viết)</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Những câu ngắn và mở rộng với một chút phức tạp</li> <li>Diễn đạt mở rộng của một ý tưởng hoặc diễn đạt nhiều ý tưởng</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Lặp lại cấu trúc văn phạm thỉnh thoảng có thay đổi</li> <li>Sử dụng mẫu câu trong nội dung môn học</li> </ul>               | <ul style="list-style-type: none"> <li>Ngôn ngữ môn học cụ thể kể cả từ gốc và thành ngữ</li> <li>Sử dụng từ vựng hay thành ngữ với nhiều nghĩa trong các môn học</li> </ul>                              |
| <b>Trình Độ P2- Xuất Hiện</b>                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cụm từ hoặc câu ngắn</li> <li>Xuất hiện diễn đạt ý tưởng</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cấu trúc ngữ pháp thông thường</li> <li>Lặp lại mẫu của cụm từ hoặc câu trong nội dung môn học</li> </ul>                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các từ vựng và thành ngữ thông thường trong các môn học</li> <li>Từ vựng và thành ngữ về xã hội và giảng dạy trong các môn học.</li> </ul>                         |
| <b>Trình Độ P1- Bắt Đầu</b>                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>Từ, cụm từ, hoặc mảng từ</li> <li>Từ đơn giản đại diện cho ý tưởng</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cấu trúc văn phạm ở mức độ cụm từ</li> <li>Mẫu cụm từ liên quan đến tình huống xã hội và giảng dạy thông thường.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Những từ vựng thông thường liên quan đến môn học.</li> <li>Từ vựng và thành ngữ xã hội và giảng dạy hàng ngày.</li> </ul>  |
| <b>Trình Độ A3- Tham Gia</b>                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nói các từ hoặc cụm từ</li> <li>Biểu tượng hoặc chữ cái tượng trưng cho ý tưởng</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thói quen thực hành mẫu câu liên quan đến tình huống xã hội và giảng dạy thông thường.</li> </ul>                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>Từ vựng quen thuộc liên quan đến thói quen hàng ngày.</li> <li>Tượng trưng cho âm thanh, từ ngữ, hoặc ý tưởng với việc vẽ ký hiệu, chữ cái hoặc con số.</li> </ul> |
| <b>Trình Độ A2- Khám Phá</b>                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Giao tiếp với âm thanh và cử chỉ khác nhau</li> <li>Đánh dấu hoặc ký hiệu để giao tiếp ( như là với dụng cụ để viết hoặc thiết bị hỗ trợ)</li> <li>Các từ thường dùng</li> <li>Thay đổi giọng nói và tần số để truyền đạt nhu cầu, mong muốn, hoặc tâm trạng (để truyền đạt tuân thủ các quy tắc xã hội)</li> </ul> |  |   |
| <b>Trình Độ A1- Vỡ Lòng</b>                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bắt chước âm thanh</li> <li>Thay đổi cử chỉ để giao tiếp (ví dụ mắt nhìn chăm chăm, nắm chặt đồ dùng để viết )</li> </ul>   |  |   |

© October 2012, Board of Regents of the University of Wisconsin System on behalf of the WIDA Consortium